

Số: 57/2023/QĐST-DS

Đ, Ny 30 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 500 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 97 và Điều 188 của Luật Đất đai.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành Ny 22/5/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 160/2021/TLST – DS Ny 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 Ny, kể từ Ny lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Bùi Văn D, sinh năm: 1965.

Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1974.

Địa chỉ cư trú: Thôn Phú T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Huy T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Số A, quốc lộ 20, TT. L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Jơ Nong Sang L, sinh năm: 1977.

Bà K, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 16, thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1989.
Theo văn bản ủy quyền Ny 28/5/2021.

Địa chỉ: Số 11, đường L, TT. L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng ông Phạm Văn N, sinh năm: 1989.

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 11, đường L, TT. L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị C tiếp tục thực hiện hợp đồng cho vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M thuê quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.726,4m² đất, thuộc thửa đất số 448 (nay là các thửa đất số 909, 910, 911), tờ bản đồ số 29, xã P, huyện Đ cho đến Ny 02/01/2025 (Vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M đã nhận đất).

Kể từ Ny 02/01/2025 thì vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M có trách nhiệm trả lại toàn bộ diện tích 4.726,4m² đất, thuộc thửa đất số 448 (nay là các thửa đất số 909, 910, 911), tờ bản đồ số 29, xã P, huyện Đ cho vợ chồng ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị C.

(Có họa đồ kèm theo)

Vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M có trách nhiệm thanh toán (hỗ trợ) cho vợ chồng ông Jơ Nơng Sang L, bà K'Hiên số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M nhận chịu 6.977.234 đồng chi phí thẩm định giá tài sản (đã quyết toán xong).

3. Về án phí: Vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M nhận chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (tổng cộng là 1.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm), được trừ vào số tiền 31.755.000 đồng tiền tạm ứng án phí vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M do bà Phạm Thị Hà đại diện theo uỷ quyền đã tạm nộp biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001357 Ny 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, hoàn trả cho vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị M số tiền 30.355.000 đồng án phí còn thừa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001357 Ny 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Vũ